



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01	17	3,5	1	An	le'
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01	18	3,5	1	Anh	chấn
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01	19	4,0	1	Anh	le'
4	000004	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	01	20	3,8	1	Anh	chấn
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01	21	4,0	1	Anh	le'
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01	22	4,8	1	Anh	chấn
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01	23	7,8	1	Anh	le'
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01	24	5,8	1	Anh	chấn
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01	25	4,5	1	Ánh	le'
10	000010	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	01	26	4,5	1	Ánh	chấn
11	000011	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01	27	6,3	1	Ánh	le'
12	000012	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01	28	8,3	1	Ánh	chấn
13	000013	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01	29	6,3	1	Chi	le'
14	000014	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01	30	7,0	01	Chi	chấn
15	000015	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	01	31	5,3	1	Chúc	le'
16	000016	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	32	7,3	1	Đạt	chấn
17	000017	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01	33	5,5	1	Diệp	le'
18	000018	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	01	34	4,5	1	Dung	chấn
19	000019	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01	35	4,0	1	Dương	le'
20	000020	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	36	8,8	1	Duyên	chấn
21	000021	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01	37	4,3	1	Hà	le'
22	000022	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01	38	5,3	1	Hà	chấn
23	000023	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01	39	4,3	1	Hạnh	le'
24	000024	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01	40	5,0	1	Hậu	chấn
25	000025	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01	41	3,0	1	Hiếu	le'
26	000026	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01	42	5,0	1	Hoài	chấn
27	000027	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	43	0,8	1	Hoàng	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 27.....

Tổng số tờ giấy thi: 27.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 16 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải Hương Phạm Thị Mai Huyền



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000028	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01	44	5,0	01	Hương	chấn
2	000029	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01	45	3,5	01	Huyền	le'
3	000030	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	01	46	5,0	01	Huyền	chấn
4	000031	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	01	47	8,5	01	Huyền	le'
5	000032	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	01	48	7,8	01	HL	chấn
6	000033	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	01	49	8,0	01	linh	le'
7	000034	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	01	50	7,8	01	linh	chấn
8	000035	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	51	5,0	01	Mạnh	le'
9	000036	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	01	52	7,5	01	Nam	chấn
10	000037	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	01	53	3,8	01	Ngân	le'
11	000038	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	01	54	5,5	01	Ngọc	chấn
12	000039	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	01	55	6,0	01	Như	le'
13	000040	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	01	56	7,5	01	Phong	chấn
14	000041	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	01	57	6,3	01	Phương	le'
15	000042	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	01	58	7,0	01	Quân	chấn
16	000043	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	01	59	4,8	01	Tài	le'
17	000044	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	01	60	7,5	01	Thanh	chấn
18	000045	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	01	61	6,5	01	Thảo	le'
19	000046	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	01	62	5,8	01	The	chấn
20	000047	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	01	63	4,8	01	Thuận	le'
21	000048	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	01	64	7,3	01	Thùy	chấn
22	000049	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	01	65	7,3	01	Toàn	le'
23	000050	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	01	66	8,0	01	Trà	chấn
24	000051	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	01	67	8,3	01	Trang	le'
25	000052	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	01	68	6,5	01	Trang	chấn
26	000053	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	01	69	7,3	01	Trang	le'
27	000054	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	01	70	8,5	01	Trang	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Lê T. N. Anh

(Signature)
Phạm Thùy Nga



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị dự án

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000055	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	01	71	3,5	01	Tuấn	Lê
2	000056	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	01	72	4,3	01	Vi	Chấn
3	000057	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	01	73	5,0	01	Yến	Lê
4	000058	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	01	74	3,5	01	Linh	HP ^{chấn} _{jack}
5	000059	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	01					HP, ĐK
6	000060	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	02	75	8,0	01	Anh	Chấn
7	000061	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	02	76	6,0	01	Anh	Lê
8	000062	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	02	77	^{không làm} 6,8	01	Anh	Chấn
9	000063	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	02	78	7,3	01	Ánh	Lê
10	000064	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	02	79	6,8	01	Anh	Chấn
11	000065	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	02	80	3,5	01	Biên	Lê
12	000066	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	02	81	5,3	01	Chi	Chấn
13	000067	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	02	82	5,0	01	Chiến	Lê
14	000068	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	83	3,8	01	Chung	Chấn
15	000069	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	02	84	7,5	01	Công	Lê
16	000070	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	02	85	3,5	01	Cường	Chấn
17	000071	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	02	86	5,0	01	Diệu	Lê
18	000072	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02	87	5,8	01	Đức	Chấn
19	000073	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	02	88	3,0	01	Dũng	Lê
20	000074	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	02	89	5,0	01	Duy	Chấn
21	000075	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	02	90	5,5	01	Hà	Lê
22	000076	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	02	91	4,8	01	Hà	Chấn
23	000077	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	02	92	8,3	01	Hạnh	Lê
24	000078	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	02	93	7,0	01	Huân	Chấn
25	000079	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	02	94	7,5	01	Hoá	Lê
26	000080	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	02	95	7,8	01	Hương	Chấn
27	000081	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02	96	4,3	01	Huy	Lê
28	000082	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	02	97	7,8	01	Huyền	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày .. 16 .. tháng .. 04 .. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Bình

Đoàn Thị Tươi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000111	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	03	1	4,0	01	An	lẻ
2	000112	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	03	2	7,3	01	Anh	Chẵn
3	000113	1001040005	Trần Tuấn	Anh	15/10/2004	CT10A	03	3	1,8	01	Đỗ	HP Lẻ
4	000114	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	03	4	8,3	01	Dương	chẵn
5	000115	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	03	5	6,8	01	Giang	lẻ
6	000116	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	03	6	8,5	01	Hoài	chẵn
7	000117	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	03	7	8,5	01	Huệ	lẻ
8	000118	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	03	8	8,0	01	Huyền	chẵn
9	000119	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	03	9	5,8	01	Khang	lẻ
10	000120	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	03	10	6,5	01	Ly	chẵn
11	000121	1001041503	Chữ Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	03	11	8,3	01	Mai	lẻ
12	000122	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	03	12	8,5	01	Nam	chẵn
13	000123	1001040015	Trần Quốc	Thắng	22/11/2004	CT10A	03	13	6,3	01	Thắng	lẻ
14	000124	1001041432	Nguyễn Thùy	Trang	15/06/2003	CT10A	03	14	6,8	1	Trang	chẵn
15	000125	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	03	15	6,0	1	Đại	lẻ
16	000126	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	03	16	4,0	01	Kiệt	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:....16..

Tổng số tờ giấy thi:....16..

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 16.. tháng 6.. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chữ
Nguyễn Thái Chữ Đỗ Thị Tuyết Mai



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000083	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	02	98	6,0	01	Huyền	Lẻ
2	000084	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	02	99	8,3	01	Khánh	chẵn
3	000085	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	02	100	8,0	01	Linh	Lẻ
4	000086	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	02	101	3,5	01	Linh	chẵn
5	000087	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	02	102	8,3	01	Linh	Lẻ
6	000088	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	02	103	4,8	01	Ly	chẵn
7	000089	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	02	104	7,3	01	My	Lẻ
8	000090	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	02	105	4,8	01	Nga	chẵn
9	000091	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	02	106	9,0	01	Ngọc	Lẻ
10	000092	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	02	107	5,5	01	Ngọc	chẵn
11	000093	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	02	108	8,3	01	Nguyệt	Lẻ
12	000094	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	02	109	6,8	01	Nhâm	chẵn
13	000095	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	02	110	7,0	01	Nhi	Lẻ
14	000096	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	02	111	4,8	01	Oanh	chẵn
15	000097	1001030666	Lý Thu	Phuong	10/09/2004	QT10B	02	112	1,5	01	Phuong	Lẻ
16	000098	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	02	113	4,0	01	Quân	HP (Chẵn, nộp)
17	000099	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	02	114	5,0	01	Son	Lẻ
18	000100	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02	115	3,5	01	Thắng	chẵn
19	000101	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	02	116	5,0	01	Thành	Lẻ
20	000102	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	02	117	3,5	01	Thuy	chẵn
21	000103	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	02	118	4,0	01	Tiên	Lẻ
22	000104	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	02	119	3,5	01	Trang	chẵn
23	000105	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	02	120	5,0	01	Trang	Lẻ
24	000106	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02	121	6,3	01	Trang	chẵn
25	000107	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	02	122	7,3	01	Trang	Lẻ
26	000108	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	02	123	8,3	01	Quang	chẵn
27	000109	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	02	124	5,8	01	Thước	Lẻ
28	000110	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	02					HP, ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 4

Ngày 16 tháng 12 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hồng Hải

Ngô Thị An